

RESEARCH ON THE ECONOMIC EFFECTIVENESS OF BO CHINH GINSENG (*ABELMOSCHUS SAGITTIFOLIUS* L. MERR) IN BAT XAT DISTRICT, LAO CAI PROVINCE

Dao Thi Huong^{1*}, Nguyen Thi Lan Anh², Do Thuy Ninh²

¹TNU - University of Economic and Business Administration, ²Thai Nguyen University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 08/11/2024 Revised: 30/12/2024 Published: 30/12/2024	Research on the economic efficiency of crops is important to producers in the agricultural sector. The objective of this study is to determine the economic efficiency for farmers in the process of planting, caring for and developing <i>Panax notoginseng</i> in Bat Xat district, Lao Cai province with specific conditions in the area. The study uses the method of information synthesis, information analysis, SWOT analysis to evaluate the potential, advantages and economic efficiency of <i>Panax notoginseng</i> based on the analysis of economic indicators such as costs, revenue and profit. It shows that <i>Panax notoginseng</i> brings high economic efficiency thanks to the actual yield exceeding the research level in the area (expected to reach 10 tons, actual reached 10.8 tons). In addition, the product is sold at a good price and the price is stable, bringing potential and advantages to the producers. The research results have suggested to help producers identify a roadmap to replicate the <i>Panax notoginseng</i> development model in a new medicinal cultivation method, suitable to local characteristics, improving livelihoods, stabilizing life, and increasing income for people. Additionally, the research results help to propose some implications for local authorities, relevant agencies and units to create favorable conditions to support policies to develop Sam Bo Chinh into a raw material production area, increase the processing capacity for root and flower products, bringing opportunities for large market consumption and becoming the main crop of the area.
KEYWORDS	
Efficiency	
Economic Efficiency	
Bo Chinh Ginseng	
Bat Xat District	
Lao Cai Province	

NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA CÂY SÂM BỐ CHÍNH (*ABELMOSCHUS SAGITTIFOLIUS* L. MERR) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Đào Thị Hương^{1*}, Nguyễn Thị Lan Anh², Đỗ Thuỳ Ninh²

¹Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên, ²Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 08/11/2024 Ngày hoàn thiện: 30/12/2024 Ngày đăng: 30/12/2024	Nghiên cứu về hiệu quả kinh tế của cây trồng có ý nghĩa quan trọng với người sản xuất trong ngành nông nghiệp. Mục tiêu của nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định hiệu quả kinh tế cho các nông hộ trong quá trình trồng, chăm sóc, phát triển cây Sâm Bố Chính trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai với điều kiện riêng tại địa bàn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp thông tin, phân tích thông tin, phân tích SWOT để đánh giá được tiềm năng, lợi thế và hiệu quả kinh tế Sâm Bố Chính dựa trên phân tích chỉ tiêu kinh tế như chi phí, doanh thu và lợi nhuận. Qua nghiên cứu cho thấy cây Sâm Bố Chính đem lại hiệu quả kinh tế cao nhờ năng suất sản lượng thực tế vượt so với mức nghiên cứu tại địa bàn (dự kiến đạt 10 tấn, thực tế đạt 10,8 tấn); thêm vào đó là sản phẩm bán được giá và ổn định giá mang lại tiềm năng và lợi thế cho người sản xuất. Kết quả nghiên cứu đã gợi mở giúp người sản xuất xác định được lộ trình nhân rộng mô hình phát triển Sâm Bố Chính trong phương thức canh tác được liệu mới, phù hợp với đặc thù địa phương, cải thiện sinh kế, ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu giúp đề xuất gợi ý một số hàm ý với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan tạo điều kiện hỗ trợ các chính sách nhằm phát triển cho Sâm Bố Chính phát triển thành vùng sản xuất hàng hóa nguyên liệu, tăng khả năng chế biến cho sản phẩm củ, hoa đem lại cơ hội tiêu thụ thị trường lớn và trở thành cây trồng chủ lực của địa bàn.
TỪ KHÓA	
Hiệu quả	
Hiệu quả kinh tế	
Sâm Bố Chính	
Huyện Bát Xát	
Phân tích SWOT	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11512>

* Corresponding author. Email: dthuong2020@tueba.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Sâm Bồ Chính thuộc họ cẩm quỳ hay còn gọi là họ bông (Malvaceae) trong giới thực vật (Plantae), loài này được (Kurz) Merr miêu tả khoa học đầu tiên năm 1924. Từ lâu, cây Sâm Bồ Chính đã được đánh giá là một vị thuốc quý và ghi nhận trong cuốn sách nổi tiếng - “Những cây thuốc vị thuốc Việt Nam” của Giáo sư Đỗ Tất Lợi [1]. Đất trồng Sâm Bồ Chính không kén đất, cần thoát nước tốt, cây ít bị sâu bệnh. Cây Sâm Bồ Chính có tác dụng chính như điều trị ho, tác dụng hạ sốt, tác dụng bồi bổ cơ thể, tăng cường chức năng tiêu hóa, điều hòa kinh nguyệt, hỗ trợ điều trị ung thư, v.v. Các sản phẩm có thể khai thác từ Sâm Bồ Chính gồm rễ (củ) và hoa nhưng đa phần thu hoạch củ. Với mục đích bồi bổ sức khỏe, nâng cao chức năng của hệ miễn dịch, Sâm Bồ Chính cũng được chế biến và bảo quản với nhiều cách khác nhau: ngâm rượu, thái lát và phơi khô, ngâm mật ong. Sâm Bồ Chính có tuổi thọ trung bình 12-15 tháng, và năng suất ở các điều kiện vùng trồng khác nhau là khác nhau, đặc biệt yếu tố đất đai, khí hậu có ảnh hưởng sâu sắc đến năng suất của cây.

Tuy nhiên, đến nay tại địa bàn tỉnh Lào Cai chưa có mô hình nào phát triển trồng cây Sâm Bồ Chính, đặc biệt xây dựng mô hình trồng theo hướng hàng hóa liên kết với các công ty dược liệu bao tiêu sản phẩm. Có thể trồng Sâm Bồ Chính ở mật độ từ 25.000 - 65.250 cây/ha, sau 2 năm thu hoạch trung bình từ 0,15-0,3 kg củ/gốc, năng suất trung bình đạt từ 5-8 tấn/ha/2 năm. Khi trồng ở những vùng đồi thấp, thành phần hoạt chất của củ tốt hơn nhiều so với trồng tại ruộng trũng mặc dù năng suất có thể thấp hơn. Với địa hình và đặc điểm đất đai tại Bát Xát - Lào Cai hoàn toàn có thể trồng và phát triển sản xuất Sâm Bồ Chính [2].

Huyện Bát Xát là một huyện biên giới, giáp với Trung Quốc. Kiến tạo địa hình chia Bát Xát thành hai khu vực: vùng cao và vùng thấp. Vùng núi cao do ảnh hưởng của địa hình núi cao, độ chia cắt lớn nên khí hậu vùng núi cao mang tính chất của khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới ẩm. Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình cả năm cao nhất 16,6°C, thấp nhất 14,3°C. Nhiệt độ này rất phù hợp để các loài cây dược liệu phát triển như: Đương quy, Sa nhân tím, gừng tía, dược liệu dây, sâm đất hà sin cô, thuốc tắm Dao đỏ, giao cổ lam... Tận dụng những nguồn lực, những ưu đãi của thiên nhiên, đồng thời nắm bắt được xu hướng du lịch của du khách, ngoài du lịch khám phá, trải nghiệm văn hoá, huyện Bát Xát còn phát triển các dòng sản phẩm du lịch đặc trưng như du lịch nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp kết hợp với trải nghiệm du lịch. Qua đó, tạo ra những sản phẩm du lịch mới, đa dạng phục vụ nhu cầu du khách, góp phần nâng cao đời sống cho người nông dân, thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững. Tại đây có thể phát triển nhiều mô hình hấp dẫn thu hút du khách trong tương lai như: Du lịch trải nghiệm làm nông dân; trải nghiệm trồng chăm sóc, thu hái thảo dược. Những sản phẩm dược liệu cũng là một đặc sản để du khách mua về sử dụng và làm quà cho người thân. Nguồn thu không chỉ đến từ việc bán thảo dược mà còn được tạo ra từ chính việc cho du khách trải nghiệm thảo dược.

Khi bàn về hiệu quả kinh tế đã có nhiều công trình nghiên cứu ngoài nước quan tâm và có nhiều kết quả đáng quan tâm [3]-[5] đã có điểm chung nêu bật những lợi ích hiệu quả kinh tế, đo lường hiệu quả kinh tế, v.v. Ở một số công trình ở trong nước [6], [7] đã làm sáng tỏ vấn đề liên quan đến khái niệm, những yếu tố tác động đến hiệu quả kinh tế, phương pháp đo lường hiệu quả kinh tế. Các nghiên cứu về hiệu quả kinh tế của cây dược liệu còn rất hạn chế, đa phần là các dạng thông tin đề cập qua bài viết, phóng sự về mô hình cây dược liệu và đánh giá hiệu quả cây dược liệu khi so sánh với cây trồng khác (lúa, rau màu, hoa, v.v.). Xu thế mới, quan niệm mới của chúng ta cũng như của thế giới là tăng cường sử dụng thuốc chữa bệnh, thuốc bổ được sản xuất từ thảo dược, vì đông nam dược có ảnh hưởng trực tiếp để chữa bệnh, tăng cường sức khỏe và kéo dài tuổi thọ con người, ít gây tai biến phản ứng phụ, an toàn cho người sử dụng. Nhu cầu thuốc đông nam dược trong nước và thế giới đang ngày càng tăng. Tiềm năng và khả năng để phát triển đông nam dược của ta còn lớn. Hiện tại, mức sản xuất dược phẩm này còn thấp và chất lượng còn bị hạn chế [6]. Điều đó nói lên tính cấp thiết của việc cần đầu tư cho nghiên cứu phát

triển Sâm Bó chính tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Chính vì vậy mà đánh giá hiệu quả kinh tế là điều vô cùng quan trọng nhằm đánh giá đúng được năng suất, thu nhập của các nông hộ. Ngoài việc hỗ trợ thúc đẩy hộ đồng bào dân tộc thiểu số biết áp dụng kỹ thuật vào trồng, chăm sóc và chế biến dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa còn có tác dụng kích thích người dân quan tâm hơn đến việc phát triển trồng dược liệu nói chung, dược liệu dưới tán rừng nói riêng và thu hút người dân tham gia bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen quý hiếm. Kết quả nghiên cứu đã thay đổi phương thức canh tác dược liệu mới, phù hợp với đặc thù địa phương, cải thiện sinh kế, ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập cho người dân địa bàn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp tổng hợp thông tin

Nhóm tác giả tiến hành thu thập thông tin từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bát Xát, Khuyến nông huyện Bát Xát về quy mô, diện tích, năng suất các loại dược liệu đang canh tác tại địa bàn. Sau đó, nhóm tác giả tiến hành phân loại, sắp xếp thông tin theo thứ tự ưu tiên về độ quan trọng của thông tin. Đối với các thông tin là số liệu lịch sử và số liệu khảo sát thực tế thì tiến hành lập lên các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ,...

2.2. Phương pháp phân tích thông tin

Nhóm tác giả thực hiện phương pháp phân tích thông tin về hiệu quả kinh tế của cây Sâm Bó Chính trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai gồm tổng doanh thu, chi phí và lợi nhuận trên đơn vị diện tích.

2.3. Phương pháp phân tích SWOT

Đây là phương pháp đánh giá gồm điểm mạnh (S), điểm yếu (W), cơ hội (O), thách thức (T) nhằm đánh giá lợi thế về phát triển dược liệu chung của địa bàn, từ đó có bức tranh chung thực trạng và hướng phát triển dược liệu nói chung và Sâm Bó Chính nói riêng.

2.4. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

- Chỉ tiêu đánh giá thực trạng diện tích cây dược liệu và cây Sâm Bó Chính

$$\Sigma \text{ Quy mô diện tích hàng năm} = \Sigma \text{ Quy mô diện tích hàng năm của từng nhóm dược liệu (ha)} \quad (1)$$
 Ý nghĩa: Chỉ tiêu này nhằm đánh giá diện tích cây dược liệu hàng năm của địa bàn và được đo lường thông qua quy mô diện tích hàng năm của từng nhóm dược liệu.
- Chỉ tiêu đánh giá năng suất của cây Sâm Bó Chính

$$\text{Năng suất} = \text{Sản lượng} / \text{Diện tích (kg/sào)} \quad (2)$$
 Ý nghĩa: Chỉ tiêu này nhằm đánh giá năng suất cây Sâm Bó Chính trên một đơn vị diện tích, được đo lường qua sản lượng thu được với quy mô diện tích canh tác.
- Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của cây Sâm Bó Chính

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí (triệu đồng)} \quad (3)$$
 Ý nghĩa: Chỉ tiêu này nhằm đánh giá hiệu quả về mặt lợi nhuận mà cây Sâm Bó chính đem lại khi lấy tổng doanh thu từ việc bán củ trừ đi các loại chi phí sản xuất và tiêu thụ.

3. Kết quả nghiên cứu

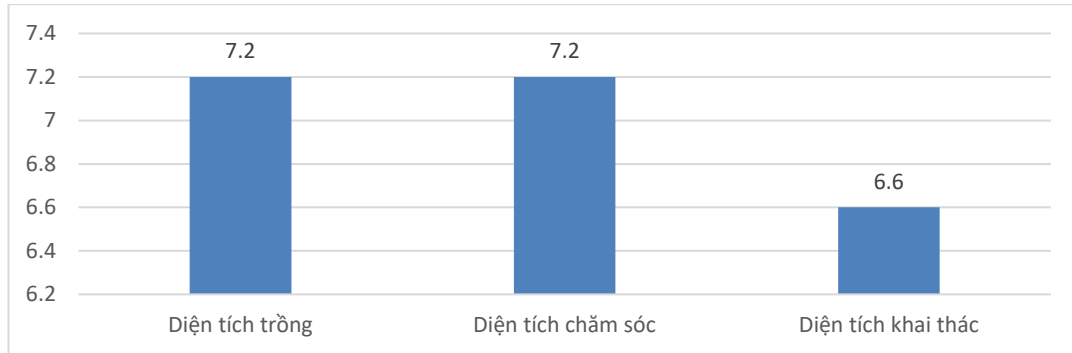
3.1. Thực trạng sản xuất Sâm Bó Chính trên địa bàn huyện Bát Xát

Về quy mô diện tích dược liệu mà các hộ được khảo sát đang trồng, chăm sóc, khai thác có quy mô như trình bày trong Hình 1.

Số liệu trên Hình 1 cho thấy tổng quy mô diện tích trồng dược liệu chung của huyện đạt khoảng 7,2 ha, trong đó diện tích khai thác khoảng 6,6 ha. Hiện nay Sâm Bó Chính là cây trồng được nghiên cứu triển khai và được trồng lần đầu tại địa bàn, quy mô Sâm Bó Chính hiện có thuộc mô hình nghiên cứu khoảng 2 ha chiếm 30,3% so với tổng quy mô khai thác dược liệu của

huyện. Quy mô này còn khá khiêm tốn với quỹ đất của huyện. Quy mô này được thống kê khi địa bàn bắt đầu được các thành viên nhóm nghiên cứu triển khai, còn thời điểm trước đó huyện Bát Xát chưa triển khai trồng Sâm Bô Chính. Để xem xét hiệu quả kinh tế một cách toàn diện, nghiên cứu đã xây dựng bảng phân tích SWOT về phát triển dược liệu tại địa bàn huyện Bát Xát để thấy được tiềm năng, lợi thế riêng của địa bàn trong khai thác cây dược liệu mới.

DVT: Ha



Hình 1. Quy mô dược liệu tại vùng nghiên cứu

Bảng 1. Phân tích SWOT về phát triển dược liệu của huyện Bát Xát

Cơ hội -O (Opportunities)	Thách thức – T (Threats)
O₁: Trong dài hạn, cây dược liệu được mở rộng trên địa bàn, thay thế cây trồng khác cho năng suất thấp (cây ăn quả, rau màu). O₂: Một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược liệu đã chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, tạo cơ hội tốt cho dược liệu mở rộng thị trường xuất khẩu. O₃: Các tổ chức nghiên cứu và khuyến nông địa phương tích cực phổ biến, tuyên truyền công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chế biến, đa dạng hóa sản phẩm dược liệu theo hướng gia tăng chuỗi giá trị. O₄: Sự phát triển và phổ biến của công nghệ sản xuất, chế biến dược liệu hiện nay trên thế giới giúp cho các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm dược liệu có cơ hội tiếp cận để nâng cấp công nghệ sản xuất theo hướng tạo ra các sản phẩm tinh xảo có giá trị xuất khẩu cao. O₅: Tăng cường bảo vệ và phát triển nguồn dược liệu được chính phủ và các tổ chức liên quan cần triển khai các chính sách bảo vệ và phát triển nguồn dược liệu bền vững, bao gồm việc xây dựng các vùng trồng dược liệu chuyên canh, bảo tồn các loài dược liệu quý và hỗ trợ người dân trong việc trồng và khai thác dược liệu đúng cách.	T₁: Thị trường tiêu thụ yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm dược liệu, còn lệ thuộc vào một số thị trường truyền thống. T₂: Diễn biến thời tiết, khí hậu ngày càng phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng. T₃: Hiện nay, người tiêu dùng đang có xu hướng sử dụng một số loại thuốc tây có tác dụng, chức năng nhanh hơn từ sản phẩm dược liệu hoặc nguồn gốc dược liệu. T₄: Chuỗi giá trị ngành hàng dược liệu đang có xu thế thay đổi theo quy luật lệ thuộc các doanh nghiệp lớn thu mua và xuất khẩu dược liệu.

Điểm mạnh – S (Strengths)	Điểm yếu –W (Weaknesses)
S₁: Vị trí địa lý, khí hậu phù hợp với cây dược liệu S₂: Các hộ trồng dược liệu đã có xu hướng chuyển dịch cơ cấu giống dược liệu. S₃: Người dân có kinh nghiệm sản xuất dược liệu. S₄: Người dân đã thấy được lợi ích kinh tế của cây dược liệu cao hơn so với một số cây trồng khác, nhiều hộ sẵn sàng đầu tư, phát triển kinh tế hộ từ dược liệu. S₅: Hoạt động tích cực của Hiệp hội ngành dược liệu tỉnh Lào Cai, các cơ quan xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và khuyến nông đã tạo ra sự hỗ trợ tích cực cho người trồng dược liệu. Các cơ sở chế biến đã có nhiều cải tiến, công nghệ chế biến để sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. S₆: Nguồn lao động dồi dào, người dân sẵn sàng tham gia sản xuất dược liệu tự nguyện	W₁: Chất lượng và độ an toàn của sản phẩm còn hạn chế do diễn biến thời tiết và sâu bệnh nên người sản xuất còn lạm dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh. W₂: Công nghệ chế biến còn lạc hậu, chưa thân thiện với môi trường. W₃: Chưa có chuỗi liên kết giữa “4 nhà” trong phát triển kinh tế dược liệu, chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ. W₄: Điều kiện kết cấu hạ tầng của vùng dược liệu chưa phát triển, nên chưa khai thác tốt. W₅: Chưa có nhiều tổ hợp tác, HTX, DN dược liệu tại địa bàn. W₆: Nguồn lực vốn, kỹ thuật, thị trường còn rất hạn chế.

Qua bảng 1 nhận thấy công tác phát triển dược liệu trên địa bàn huyện Bát Xát có 6 điểm mạnh (S); 6 điểm yếu (W), 5 cơ hội (O) và 4 thách thức (T). Kết quả nghiên cứu có gợi ý phát triển dược liệu trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tăng cường mối liên kết 4 nhà trong sản xuất dược liệu (nhà nước-nhà khoa học-nhà nông-doanh nghiệp).

Thứ hai, tổ chức các chương trình tập huấn, bồi trợ kiến thức cho người nông dân để canh tác, chế biến dược liệu ở mức chuyên sâu, hướng đến hàng hóa thị trường.

Ba là, phát triển và nâng cấp chuỗi giá trị dược liệu theo đặc trưng của địa bàn (khí hậu, chất đất, kinh nghiệm)

Bốn là, phát triển dược liệu theo hướng GACP-WHO.

Như vậy, có thể thấy công tác phát triển dược liệu tại địa bàn đều có lợi thế so sánh nhất định. Với xu hướng của thị trường hiện nay đang hướng đến sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, đảm bảo cho sức khỏe con người. Đặc biệt, Sâm Bó Chính là cây dược liệu mới đem đến khả năng sinh kế cao cho người dân địa bàn, ổn định đời sống, thu nhập và đóng góp vào bản đồ thuốc quý của dược liệu tỉnh Lào Cai nên việc phân tích hiệu quả kinh tế là vô cùng quan trọng và ý nghĩa.

3.2. Kết quả nghiên cứu hiệu quả cây Sâm Bó Chính trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Tại địa bàn huyện Bát Xát, việc nghiên cứu đề tài đưa ra nhiều thí nghiệm liên quan đến thực hiện quy trình trồng, chăm sóc theo tiêu chuẩn kỹ thuật thì cây Sâm Bó Chính được gieo trồng từ tháng 1 và tháng 2 dương lịch và sau khoảng 9 đến 12 tháng có thể thu hoạch. Nhưng do thời tiết tại địa bàn huyện Bát Xát không thuận lợi (mưa nhiều, củ bị thối), nên đã phải thu hoạch sớm hơn khi cây mới được 10 tháng tuổi. Nhưng nghiệm thu thực tế mô hình đã đạt năng suất tương đối khả quan.

Bảng 2. Năng suất cây Sâm Bó Chính tại huyện Bát Xát

STT	Nội dung	Kích thước trung bình 1 củ		Trọng lượng 1 gốc (kg)	Tổng số cây trồng trên 02 ha	Tỷ lệ cây sống đến khi thu hoạch	Tổng sản lượng (kg)	Năng suất BQ (kg/sào)
		Độ dài (cm)	Đường kính (cm)					
1	Củ Sâm Bó Chính	20-30	1,5 - 3,0	0,27	50.000	80%	10.800	194,4

Kết quả Bảng 2 cho thấy củ Sâm Bó Chính có chiều dài khoảng 20-30 cm, đường kính củ dao động từ 1,5-3,0 cm; trung bình trọng lượng một gốc là 0,27 kg; với mô hình 02 ha và tỷ lệ cây sống cho đến khi thu hoạch đạt tổng sản lượng là 10,8 tấn. Như vậy năng suất bình quân đạt 194,4 kg/sào, đây là mức năng suất đạt tương đối cao với mức năng suất trung bình trồng ở một

số địa phương có điều kiện khí hậu thời tiết phù hợp như: Quảng Bình, Quảng Trị [1]. Đây là kết quả nghiên cứu riêng của đề tài về quy mô, năng suất và hiệu quả trên đơn vị diện tích tại địa bàn huyện Bát Xát. Vì vậy, nếu như không bị ảnh hưởng bởi thời tiết xấu như năm nay (năm 2024), cây đủ thời gian (ít nhất là 12 tháng) mới thu hoạch thì năng suất sẽ còn cao hơn nữa.

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế cây Sâm Bó Chính với quy mô 02ha tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Doanh thu				1.080.000
	Củ Sâm Bó Chính: 0,27 kg/gốc x 50.000 gốc x 80%	kg	10800	100	1.080.000
II	Chi phí				832.000
1	Vật liệu				534.000
	Cây giống	Cây	50.000	2	100.000
	Phân vi sinh: 0,2kg/cây x 50.000 cây x 2 lần	tấn	10	24	240.000
	NPK: 0,1 kg/cây x 50.000 cây x 2 lần	tấn	10	15	150.000
	Thuốc BVTV (chết suất vi sinh)	2 năm			20.000
	Màng nilong phủ luống	Cuộn	40	600	24.000
2	Năng lượng (điện tưới nước)	Kw	2.000	3	6.000
3	Công lao động đơn giản, lao động kỹ thuật				200.000
	Công chăm sóc cả giai đoạn	Công	1.000	150	150.000
	Công làm đất (thuê máy)	Ca	10	5.000	50.000
4	Khấu hao giai đoạn kiến thiết cơ bản: Vật liệu, rào chắn,...				68.000
	Rào chắn lưới sắt B40, 1,2m, 2.7 ly	m	600	30	18.000
	Hệ thống tưới tự động	m	2.000	12	50.000
5	Chi phí bán hàng, chi khác: Tờ rơi, thùng cartong,...				24.000
III	Lợi nhuận (I-II)				248.000
	<i>Lợi nhuận bình quân/ha/năm</i>				<i>124.000</i>

Qua kết quả Bảng 3 cho thấy tổng doanh thu từ củ Sâm Bó Chính đạt 1.080 triệu đồng, tổng chi phí đạt 832 triệu đồng (chi phí vật liệu: 534 triệu đồng, năng lượng: 6 triệu đồng; công lao động: 200 triệu đồng; khấu hao: 68 triệu đồng), như vậy lợi nhuận đạt 248 triệu đồng, tính trên mỗi ha đạt 124 triệu đồng. Với phạm vi của nghiên cứu là chỉ đánh giá về cây Sâm Bó Chính trên Lào Cai so với toàn quốc, khi xem xét các thành tố của công lao động trong hộ trồng Sâm Bó Chính thì để tính toán hiệu quả kinh tế phải xác định toàn bộ công từ khi bắt đầu trồng cho đến khi thu hoạch, cho nên phần công mà các hộ đã được thể hiện toàn bộ giai đoạn. Đất đai của các hộ trồng nên phần chi phí này bằng không. Với các dữ liệu như trên có thể nói đây là mức hiệu quả kinh tế của cây Sâm Bó Chính tại huyện Bát Xát cao hơn khi trồng tại khu vực miền Trung và một số địa bàn khác.

Tỉnh Lào Cai chưa có đơn vị hay cá nhân nào trồng thâm canh loài cây này, chủ yếu khách đặt mua người dân khai thác ở trong rừng tự nhiên. Tuy nhiên, sản lượng khai thác ngày càng ít đi do cây trong tự nhiên bị khai thác kiệt quệ. Nhu cầu của các công ty dược liệu trong nước và nước ngoài (Trung Quốc, Đài Loan, v.v) rất lớn nên sản lượng và nhu cầu mua củ Sâm Bó Chính là không hạn chế. Giá bán buôn trung bình từ 150.000 - 250.000đ/kg tại vườn của các hộ trồng tại huyện Bát Xát. Điều này cho thấy đầu ra của sản phẩm hiện nay đối với cây dược liệu nói chung còn nhiều khó khăn nhưng với Sâm Bó Chính nói riêng thì người sản xuất hoàn toàn có thể yên tâm về thị trường trong những năm tới [6]. Mặt khác, cây Sâm Bó Chính có công dụng tốt cho sức khỏe, cách sử dụng đơn giản có thể qua nước uống hàng ngày từ sản phẩm sơ chế phơi sấy khô hay dưới dạng cao lỏng, ngâm rượu, sản xuất các sản phẩm bánh, kẹo... do vậy dự báo nhu cầu sử dụng của người dân có thể tăng cao trong thời gian tới.

4. Kết luận và kiến nghị

Qua nghiên cứu cho thấy, cây Sâm Bó Chính mang lại hiệu quả kinh tế cho nông hộ tại địa bàn huyện Bát Xát. Tuy nhiên để sản xuất bền vững, đem lại hiệu quả kinh tế cao thì nông hộ cần có ý thức sử dụng cân đối lại các yếu tố đầu vào; tích cực tham gia các hoạt động tập huấn; chủ động liên kết sản xuất giữa các nông hộ sản xuất để từng bước phát triển qui mô sản xuất; cơ cấu lại chi phí đầu tư trong sản xuất giữa các vụ.

Một số kiến nghị của nghiên cứu như sau:

- Nông hộ cần có ý thức sử dụng cân đối lại các yếu tố đầu vào, đặc biệt là cân đối lại việc sử dụng phân, nguyên liệu và giá trị chi phí cố định đã đầu tư cho sản xuất và cân đối lại yếu tố lao động gia đình (Ví dụ tận dụng phân bón từ cây xanh, sử dụng tro đốt, trấu,...). Bên cạnh đó, nông hộ phải chủ động tiếp cận thông tin giá cả thị trường đầu vào và đầu ra để có cơ sở đưa ra quyết định sử dụng các yếu tố đầu vào tối ưu về mặt kinh tế.

- Nông hộ cần tích cực tham gia tập huấn kỹ thuật, cũng như tập huấn nâng cao kiến thức quản lý sản xuất và kinh tế thị trường. Điều này nhằm giúp nông hộ từng bước nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, kỹ năng quản lý sản xuất, tiếp cận thị trường để có kế hoạch sản xuất hợp lý và mang lại hiệu quả hơn.

- Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất Sâm Bó Chính trên địa bàn có tính hiệu quả kinh tế theo qui mô khi tăng diện tích sản xuất. Vì vậy, nông hộ cần có nhận thức phát triển kinh tế hộ mở rộng qui mô diện tích sản xuất để góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất. Do đó nông hộ cần chủ động liên kết sản xuất giữa các nông hộ sản xuất, cũng như giữa nông hộ với chủ thể thu mua, nhằm tận dụng những ưu điểm của tính hiệu quả theo qui mô sản xuất lớn, tập trung. Điều này giúp cải thiện hiệu quả sản xuất và cũng là nền tảng để từng bước phát triển qui mô sản xuất về lâu dài. Tuy nhiên, vấn đề này cần có sự hỗ trợ của Nhà nước trong tập huấn nâng cao nhận thức phát triển kinh tế hộ của các nông hộ cũng như nối kết cho các hoạt động liên kết và hỗ trợ xúc tiến thương mại.

- Chính quyền địa phương cần có chính sách xúc tiến hỗ trợ sản phẩm Sâm Bó Chính và hỗ trợ người dân tham gia đăng ký sản phẩm OCOP đặc trưng, tổ chức các chương trình tập huấn kỹ thuật và tập huấn canh tác được liệu theo hướng GACP-WHO.

Lời cảm ơn

Bài báo là sản phẩm nghiên cứu thuộc đề tài: “*Ứng dụng khoa học công nghệ nhân giống, trồng phát triển cây Sâm Bó Chính tại tỉnh Lào Cai*”, được thực hiện từ nguồn ngân sách được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. L. Do, *Vietnamese medicinal plants and herbs*, Hong Duc Publishing House, 1977.
- [2] X. H. Phan, T. N. Huynh, and T. P. H. Nguyen, "Research on in vitro propagation of Hibiscus sagittifolius Kurz through stem nodal culture," *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, vol. 15, no. 5, pp. 664-672, 2017.
- [3] M. J. Farrell, "The measurement of production efficiency," *Journal of the Royal Statistical Society Ser. A*, vol. 120, pp. 257-281, 1957.
- [4] A. Charnes, W. W. Cooper, and E. Rhodes, "Measuring the efficiency of decision making units," *European Journal of Operational Research*, vol. 2, pp. 429-444, 1978.
- [5] O'. Ogisi, D. Chukwuji, O. Christopher, and C. O. Daniel, "Efficiency of Resource Use by Rice Farmers in Ebonyi State, South East Nigeria: A Data Envelopment Analysis," *Asian Journal of Agriculture and Rural Development*, vol. 2, no. 2, pp. 149-15, 2012.
- [6] D. K. Le and V. D. Le, "Economic efficiency in sedge production of households in Vung Liem district, Vinh Long province," *Journal of Agriculture and Rural Development*, vol. 2, pp. 116-124, 2022.
- [7] C. D. Le, V. S. Nguyen, V. T. Vo, and T. K. T. Nguyen, "Analysis of economic efficiency of rice-growing households in the Mekong Delta," *Journal of Science of Can Tho University*, vol. 5D, pp. 73-81, 2019.